TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-PT.
Ngày 13 - 01 - 2025.

V/v "tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Ông Đặng Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 12 năm 2024 và ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2024/TLPT - DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc: "*tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 352/2024/QĐ - PT ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Bé S, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn B là: Luật sư Trần Hoàng T – Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn T1 (đã chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn T1:

1.1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bà Đặng Thị Bạch H1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Bà Đặng Thị Bạch H2, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Mai Thanh T2, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Lưu Thúy N1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thúy N1 là: Bà Đặng Thị Bạch H1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Trần Thị K, sinh năm 1963 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị K là: Luật sư Trần Hoàng T – Văn phòng Luật Sư Trần Bá T3 - Đoàn Luật sư tỉnh V (có

mặt).

5. Anh Nguyễn Nhựt N2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Nhựt N2 là: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Phương T4, sinh năm 1993 (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Nhựt T5, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S đại diện hợp pháp anh Lê Tấn P trình bày:

Ông Đặng Văn B1 Sáu là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 351, tờ bản đồ số 01 diện tích số 4.294,3m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, được Sở T6 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2022. Giáp với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 01 diện tích 476,9m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Văn B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa đất tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình sử dụng đất đến năm 2022 ông Bé S phát hiện ông B xây dựng các công trình kiến trúc trong đó có một phần mái hiên nhà sau lấn chiếm qua thửa đất số 351 của ông Bé S nên khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B di dời toàn bộ tài sản trên phần đất tranh chấp có diện tích 75,4m^2 gồm chiếc thửa 351-2 diện tích 68.4m^2; chiếc thửa 351-1 diện tích 2.9m^2 và chiếc thửa 351-3 diện tích 4.1m^2 trả lại diện tích đất lấn chiếm, ông Bé S không hỗ trợ chi phí di dời.

Ông Đặng Văn Bé S thống nhất kết quả đo đạc theo trích đo ngày 29/12/2023 gồm 03 tách thửa: Tách thửa 351-1 có diện tích 2.9m^2, mục đích sử dụng đất: trồng cây lâu năm; Tách thửa 351-2 có diện tích 68,4m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn; Tách thửa 351-3 có diện tích 4.1m^2, mục đích sử dụng đất: trồng cây lâu năm. Ông Bé S thống nhất kết quả định giá tài sản của Toà án thành lập hội đồng định giá: Theo biên bản định giá tài sản ngày 22/11/2023 giá thửa đất 351 và 185, đối với đất ONT giá 230.000đ/m^2, CLN giá 71.000 đồng/m^2. Tài sản trên đất: gồm mái hiên nhà của ông B tổng giá trị 78.733.817đ.

- Trong đơn yêu cầu phản tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông Nguyễn Văn B là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 185, tờ bản đồ số 1, diện tích 476,9m^2 mục đích sử dụng đất: Đất ở là 150m^2, còn lại là đất trồng cây lâu năm 326,9m^2 do ông Nguyễn Văn B đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ được Sở T6 cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCN: CS08419, ngày 26/7/2017, giáp với thửa đất 185 của ông B là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 01 diện tích số 4.294,3m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, được Sở T6 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2022 do ông Đặng Văn Bé S đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Hai thửa đất 185 và 351 có nguồn gốc sử dụng ổn định, lâu dài trải qua nhiều thế hệ. Năm 2019 ông B có xây dựng một phần căn nhà mái hiên có kết cấu gắn liền với căn nhà chính, khi xây dựng nhà và ở ông Bé S không khiếu nại hoặc tranh chấp gì đến năm 2022 không hiểu vì lý do gì ông Đặng Văn B1 Sáu đòi lại một phần đất và khởi kiện như ngày hôm nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B1 Sáu phía ông Nguyễn Văn B không đồng ý. Ông B có đơn yêu cầu phản tố buộc phía ông Đặng Văn Bé S phải công nhận cho phía ông Nguyễn Văn B được sử dụng toàn bộ diện tích đất 75,4m^2 như kết quả đo đạc theo trích đo ngày 29/12/2023 gồm 03 tách thửa: Tách thửa 351-1 có diện tích 2.9m^2, mục đích sử dụng đất: trồng cây lâu năm; Tách thửa 351-2 có diện tích 68,4m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn; Tách thửa 351-3 có diện tích 4.1m^2, mục đích sử dụng đất: trồng cây lâu năm. Nếu trường hợp buộc ông Nguyễn Văn B trả lại diện tích đất tranh chấp 75,4m^2 thì phía ông Đặng Văn B1 Sáu phải bồi hoàn

cho ông Nguyễn Văn B số tiền 79.000.000đ vì khi xây dựng nhà ông Bé S không ngăn cản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đặng Thị Bạch H1 trình bày: Bà H1 thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Bé S, trong vụ án này bà H1 không có yêu cầu gì.

Bà Đặng Thị Bạch H1, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị Bạch H2 và bà H1 với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của chị Lưu Thúy N1 trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Bé S.

Bà Trần Thị K trình bày: Bà K thống nhất lời trình bày yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Nhựt N2 trình bày: Anh N2 thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B.

Anh Hồ Minh H3 đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Nhựt T5 trình bày: Anh T5 thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Các Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 175 và 468 Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 12 và 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn B.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị K, anh Nguyễn Nhựt T5, anh Nguyễn Nhựt N2 được quyền sử dụng phần đất tách thửa số 351-2 diện tích 68.4m^2, mục đích sử dụng đất ở nông thôn (nhà ở 36.4m^2), đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc 2,4,5,6,2; tách thửa số 351-1, diện tích 2.9m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc: 1,2,6,1;

tách thửa số 531-3, diện tích 4.1m^2, mục đích sử dung: đất ở nông thông (nhà ở 2.1m^2) đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc: 2,3,4,2; được Sở T6 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2022 do ông Đặng Văn Bé S đứng tên giấy chứng nhận QSD đất (vị trí, hình thể mốc giới có trong trích đo ngày 29/12/2023 kèm theo). Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai của cơ quan có thẩm quyền.

Buộc ông Nguyễn Văn B trả lại giá trị đất cho ông Đặng Văn B1 Sáu số tiền 11.474.900đ (mười một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

Ngày 04/9/2024 nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn và không đồng ý với giá đất tại cấp sơ thẩm vì giá đất thấp hơn so với giá thị trường.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các đương sự có mặt không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Giữa nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bạch H1, bà Trần Thị K có mặt thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Về mục đích sử dụng đất, các tách thửa đất đang tranh chấp: Tách thửa 351-1, diện tích 2,9m^2, tách thửa 351-2, diện tích 68,4m^2 và tách thửa 351-3, diện tích 4,1m^2. Tổng diện tích các tách thửa 351-1+351-2+351-3 là 75,4m^2. Đều có mục đích sử dụng là đất CLN.

Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả giá trị các tách thửa 351-1+351-2+351-3. Tổng diện tích 75,4m^2, mục đích sử dụng đất CLN cho ông Đặng Văn B1 Sáu bằng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Công nhận cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K1 được quyền sử dụng phần đất tranh chấp thửa 351-1 diện tích 2,9m^2, mục đích sử dụng CLN + 351-2, diện tích 68,4m^2, mục đích sử dụng CLN + 351-3, diện tích

4,1m^2, mục đích sử dụng CLN, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K đồng ý có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn B1 Sáu số tiền chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là 5.360.000đ và tại Tòa án cấp phúc thẩm là 3.050.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí.

Luật sư Trần Hoàng T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt và Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bạch H1, bà Trần Thị K tại phiên tòa. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít. Do sửa án sơ thẩm nên đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn B1 Sáu đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1] Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, giữa nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bạch H1, bà Trần Thị K có mặt thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Về mục đích sử dụng đất, các tách thửa đất đang tranh chấp: Tách thửa 351-1, diện tích 2,9m^2, tách thửa 351-2, diện tích 68,4m^2 và tách thửa 351-3, diện tích 4,1m^2. Tổng diện tích các tách thửa 351-1+351-2+351-3 là 75,4m^2. Đều có mục đích sử dụng là đất CLN.

Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả giá trị các tách thửa 351-1+351-2+351-3. Tổng diện tích 75,4m^2, mục đích sử dụng đất CLN cho ông Đặng Văn B1 Sáu bằng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Công nhận cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K1 được quyền sử dụng phần đất tranh chấp thửa 351-1 diện tích 2,9m^2, mục đích sử dụng CLN + 351-2, diện tích 68,4m^2, mục đích sử dụng CLN + 351-3, diện tích 4,1m^2, mục đích sử dụng CLN, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K đồng ý có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn B1 Sáu số tiền chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là 5.360.000đ và tại Tòa án cấp phúc thẩm là 3.050.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí. Ông B và bà K

có đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông B và bà K số tiền 5.000.000đ.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DS-ST, ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên ông Đặng Văn Bé S là người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bạch H1, bà Trần Thị K. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DS-ST, ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Các Điều 144, khoản 4 Điều 147 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 175 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 12, Điều 26 và 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả giá trị các tách thửa đất số 351-1+351-2+351-3. Tổng diện tích 75,4m^2, mục đích sử dụng đất CLN cho ông Đặng Văn B1 Sáu bằng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Công nhận cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K được quyền sử dụng phần đất tranh chấp tách thửa 351-1 diện tích 2,9m^2, mục đích sử dụng CLN + tách thửa số 351-2, diện tích 68,4m^2, mục đích sử dụng CLN + tách thửa 351-3, diện tích 4,1m^2, mục đích sử dụng CLN. Cùng tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 29/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M).

4. Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai nhập vào thửa 185 ông Nguyễn Văn B đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn B1 Sáu số tiền chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là 5.360.000đ (năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và tại Tòa án cấp phúc thẩm là 3.050.000đ (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K.

Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn B1 Sáu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007740 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn Bé S là người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Sáu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005930 ngày 04/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL:01b;
- TAND H Mang Thít: 01b;
- Chi cục THADS H Mang Thít: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường